

BÁO CÁO

Tổng kết Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 và xây dựng nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của Sở Dân tộc và Tôn giáo

Thực hiện Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 26/3/2025 của UBND tỉnh về Tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025; phong trào thi đua “thực hiện cải cách hành chính” tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 -2025, Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, báo cáo như sau:

PHẦN I

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Công tác cải cách hành chính luôn được Sở Dân tộc và Tôn giáo (*được thành lập từ ngày 01/3/2025 dựa trên cơ sở là Ban Dân tộc tỉnh tiếp nhận chức năng và nhiệm vụ, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo từ Sở Nội vụ*) trung chỉ đạo và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Sở. Hằng năm, Sở ban hành kế hoạch CCHC và tổ chức triển khai thực hiện; cử cán bộ công chức thuộc các phòng có liên quan tập huấn nghiệp vụ CCHC, kiểm soát TTHC; việc sắp xếp bố trí công chức tại bộ phận Một cửa của Sở, Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh; sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính.

Mở Hội nghị triển khai, quán triệt đến từng cán bộ, công chức những nội dung cụ thể gắn với triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước như: Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 26/3/2025 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch tổng kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; phong trào thi đua “thực hiện cải cách hành chính” tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 -2025; Kế hoạch số 13/KH-BDT ngày 07/01/2022 của Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái

Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình hành động số 742/CTr-BĐT ngày 30/6/2023 về thực hiện công tác CCHC nhà nước giai đoạn 2023- 2025.

- Cùng với việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính, các văn bản triển khai thực hiện để nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, hàng năm thành lập Tổ kiểm tra công tác cải cách hành chính, đưa nội dung đánh giá công tác cải cách hành chính là nội dung bắt buộc trong các cuộc họp giao ban tháng, quý của cơ quan. Công tác cải cách hành chính là tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng với các cá nhân, tập thể.

- Giao phòng Hành chính - Tổng hợp là thường trực thực hiện công tác CCHC có nhiệm vụ phối hợp với các phòng chuyên môn thực hiện các lĩnh vực được giao.

2. Việc thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo CCHC.

Thành lập Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao quản trị hành chính công, tổ giúp việc Ban Chỉ đạo tham mưu thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan. Thường xuyên thực hiện kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo khi có sự thay đổi về nhân sự.

3. Đánh giá kết quả đạt được, mức độ hoàn thành Chương trình, kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025; việc cải thiện, nâng cao các Chỉ số cải CCHC hằng năm.

Hàng năm, theo chức năng và nhiệm vụ được giao, Sở đã xây dựng Kế hoạch về CCHC, lãnh đạo Sở đã chỉ đạo sát sao việc thực hiện các chỉ số của Chương trình, kế hoạch CCHC của Sở đã đề ra, đảm bảo việc rà soát và thực hiện toàn diện, các nhiệm vụ đều hoàn thành trên 80% kế hoạch năm đề ra. Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc CCHC của Sở họp triển khai theo tháng, Quý và đột xuất khi có nhiệm vụ phát sinh nhiệm vụ Công tác cải cách hành chính của tỉnh. phần đầu khắc phục hạn chế của năm trước, năm 2023 xếp hạng chỉ số cải cách hành chính của sở vươn lên đứng thứ 14/19 sở ngành của tỉnh (tăng 5 bậc so với năm 2022), năm 2024 không tăng bậc so với năm 2023 nhưng Sở duy trì được top khá của tỉnh.

4. Công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC.

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính, tập trung nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Từ năm 2022 đến nay, Sở nghiêm túc thực hiện xây dựng kế hoạch kiểm tra tại cơ quan, thành lập Tổ kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhằm đánh giá kết quả triển khai công tác cải cách hành chính tại các phòng thông qua hình thức kiểm tra thực tế (tại 3 phòng). Qua kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, hành chính, văn hóa công sở, nâng cao ý thức của cán bộ, công chức trong chấp hành kỷ luật, kỷ cương và thực thi công vụ.

- Trong năm 2022, 2023, hai đoàn kiểm tra của UBND tỉnh và Thanh tra tỉnh thực hiện việc kiểm tra công vụ công tác CCHC và thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao; thanh tra trách nhiệm của công chức trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính tại Sở. Sau kiểm tra, Sở đã thực hiện các yêu cầu và kiến nghị của Đoàn kiểm tra, thanh tra CCHC của tỉnh và của Thanh tra tỉnh, nghiêm túc khắc phục sau kiểm tra và báo cáo lại cấp trên theo quy định.

5. Kết quả công tác thông tin, tuyên truyền CCHC.

Quan tâm thực hiện công tác tuyên truyền CCHC, công tác tuyên truyền được xây dựng trong Kế hoạch thực hiện CCHC năm của cơ quan. Cụ thể hóa một số hình thức tuyên truyền về CCHC như thông qua các cuộc họp toàn thể cơ quan, tuyên truyền việc chung tay CCHC bằng hình ảnh trên Trang thông tin điện tử của Ban, tuyên truyền về công tác CCHC trên Bản tin CCHC của tỉnh, dán các tờ rơi tuyên truyền về CCHC trên bảng thông báo của cơ quan.

- Tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác dân tộc và các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước, của tỉnh. Vận động cán bộ, công chức làm công tác dân tộc trong toàn hệ thống cùng “chung tay cải cách hành chính” với tinh thần, trách nhiệm cao.

- Thông qua công tác và các hình thức tuyên truyền, cán bộ công chức và người lao động đã nâng cao nhận thức về tầm quan trọng công tác CCHC trong thực thi công vụ, nhiệm vụ.

Hàng năm, số lượng tin bài đăng trên Trang thông tin điện tử của Sở bình quân 60 tin, bài bao gồm tin, bài tuyên truyền về CCHC, TTHC, chuyển đổi số; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về CCHC, TTHC, chuyển đổi số của cơ quan. Mỗi năm viết 01 bài về CCHC, chuyển đổi số và kiểm soát TTHC gửi Sở Nội vụ đăng trên Bản tin CCHC của tỉnh (Sở Nội vụ phê duyệt đăng tin).

6. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Sở thực hiện nghiêm túc việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao hàng tháng theo yêu cầu của UBND tỉnh. Trong giai đoạn 2022 -2025, Sở đã hoàn thành các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao theo quy định. Năm 2024, Sở có 04 nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn, do vậy còn ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của nhiệm vụ được giao và chỉ số chấm điểm CCHC của năm.

7. Việc triển khai những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được áp dụng có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong giai đoạn 2022 -2025, Sở đã có các sáng kiến cấp sở trong lĩnh vực Cải cách hành chính như 02 sáng kiến trong lĩnh vực CNTT, chuyển đổi số: ***“Giải pháp kinh nghiệm áp dụng công nghệ thông tin trong công tác tổng hợp, thống kê số***

liệu trong cơ quan dân tộc”; “Đề xuất nâng cấp thiết bị đảm bảo an toàn thông tin cho Hệ thống mạng nội bộ tại Ban Dân tộc”. Sáng kiến mang lại nhiều lợi ích, hiệu quả thiết thực và được áp dụng trong phạm vi toàn tỉnh, mang lại hiệu quả kinh tế nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí và thời gian thực hiện, nâng cao chất lượng công việc, hiệu quả kỹ thuật, đảm bảo an toàn thông tin nội bộ, đáp ứng yêu cầu của công nghệ số.

8. Kết quả đạt được trong triển khai thực hiện phong trào thi đua “Thực hiện CCHC tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 - 2025” theo Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Đẩy mạnh phong trào thi đua “thực hiện cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên” giai đoạn 2021-2025, Sở triển khai thực hiện tốt 7 nhóm nhiệm vụ trong Đề án cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên, lấy kết quả thực hiện cải cách hành chính của cơ quan làm cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực của lãnh đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu; là một trong những tiêu chí chính để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với những cá nhân và tập thể cơ quan. Phát động phong trào thi đua “Thái Nguyên đẩy mạnh chương trình chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025” của Ban Dân tộc tỉnh (KH số 438/KH-BDT, ngày 14/6/2021). Nội dung bám sát các chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, Sở TTTT về triển khai, thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và kế hoạch thực hiện chương trình Chương trình Chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của đơn vị (số 385/KH-BDT, ngày 26/5/2021). Sở tiếp tục duy trì sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice để xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đồng thời thực hiện ký số văn bản điện tử, liên thông gửi lên trực liên thông, 100% công chức trong Sở đều được cấp chữ ký số, . Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định, 100% cán bộ, công chức trong Sở đều được cấp hộp thư điện tử công vụ phục vụ trao đổi công việc....

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

1. Cải cách thể chế

Hàng năm, xây dựng và ban hành Kế hoạch về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó giao Thanh tra Sở chủ trì phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tự kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền thuộc lĩnh vực công tác dân tộc, kịp thời báo cáo và đề xuất phương án xử lý văn bản theo quy định. Kết quả:

- Tham mưu HĐND và UBND tỉnh ban hành 03 văn bản QPPL Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân về quy tắc phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025; Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về bãi bỏ Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thuộc diện tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh Thái Nguyên; Tham mưu ban hành văn bản QPPL Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 về quy định mức đất sản xuất làm cơ sở xác định hộ gia đình thiếu đất sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: qua kiểm tra, tự rà soát không có văn bản nào phải xử lý theo quy định của pháp luật

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Tổ chức 8 Hội nghị tuyên truyền cho 603 lượt người dân vùng đồng bào DTTS của tỉnh.

- Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: giao các Phòng chuyên môn thuộc Ban tự tiến hành kiểm tra, rà soát các văn bản QPPL do Sở Dân tộc và Tôn giáo trình UBND tỉnh ban hành trong thời gian qua còn hiệu lực hoặc hiệu lực một phần để kịp thời báo cáo và đề xuất phương án xử lý những văn bản có dấu hiệu trái pháp luật. Tổ chức rà soát 03 văn bản QPPL. Qua kiểm tra, tự rà soát không có văn bản nào phải xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả thực hiện Kế hoạch rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

2.1. Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC:
Thực hiện theo kế hoạch về rà soát TTHC tại Sở hàng năm, Sở đã đăng ký rà soát, phân cấp TTHC. Năm 2022, tổng số TTHC đã rà soát 02 TTHC; đã đề nghị phân cấp 02 TTHC của cấp tỉnh là Công nhận người có uy tín và đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 2023, Trung ương đã phân cấp 02 TTHC cấp tỉnh thuộc lĩnh vực Dân tộc là Công nhận người có uy tín và đưa ra

khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để cấp huyện giải quyết.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan: Tính đến thời điểm báo cáo, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở là 41 TTHC (*trong đó có 01 TTHC lĩnh vực Kinh tế hợp tác, 40 TTHC lĩnh vực Tín ngưỡng - Tôn giáo*).

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- + Thực hiện tiếp nhận, giải quyết trực tuyến toàn trình và một phần Bộ phận tiếp nhận và giải quyết TTHC của Sở từ năm 2022 đến hết tháng 2/2025 đối với 03 TTHC lĩnh vực Dân tộc và Kinh tế hợp tác; Thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh từ tháng 1/2025 đến thời điểm báo cáo (*sau khi tiếp nhận TTHC lĩnh vực Tín ngưỡng tôn giáo từ lĩnh vực Nội vụ chuyển sang Sở*).

- + Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: thực hiện số hoá đầy đủ hồ sơ TTHC của Sở.

- + Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: Tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và giải quyết TTHC của Sở từ năm 2022 đến hết tháng 2/2025 (*03 TTHC lĩnh vực Dân tộc và Kinh tế hợp tác*) là 36; Thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh từ tháng 1/2025 đến thời điểm báo cáo (*đối với TTHC lĩnh vực Tín ngưỡng tôn giáo*) là 03;

- + Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: không có.

- + Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Hằng năm TTHC được giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn, chỉ có 01 hồ sơ giải quyết chậm nhưng đã có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức (năm 2023).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

3.1. Kết quả rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của cơ quan: Tình hình tổ chức thực hiện rà soát về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của Sở được thực hiện thường xuyên. Về cơ cấu tổ chức Sở có 4 phòng (*Phòng Hành chính - Tổng hợp, Thanh tra, Phòng Chính sách Dân tộc, Tín ngưỡng Tôn giáo*). Việc sắp xếp, bố trí cơ cấu tổ chức của Sở được thực hiện kịp thời theo hướng dẫn của cơ quan trung ương, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, không chồng chéo hay bỏ sót. Về cơ bản đã đạt được yêu cầu về cải cách bộ máy hành chính, đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả.

3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị: Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên, phòng Hành chính - Tổng hợp được giao

nhiệm vụ giúp lãnh đạo Sở theo dõi đôn đốc kết quả thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao của các phòng, nhất là theo dõi các văn bản chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo UBND tỉnh, hàng tháng có báo cáo kết quả thực hiện, có đánh giá tại hội nghị giao ban của đơn vị.

Căn cứ vào nội dung kế hoạch cải cách hành chính chung của tỉnh hàng năm, xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của Sở, trong đó có nhiệm vụ cải cách bộ máy hành chính. Trên cơ sở kế hoạch chung của Sở, các phòng thuộc Sở đã xây dựng các quy trình giải quyết công việc chuyên môn có liên quan tới công dân và các tổ chức xã hội công khai, minh bạch, nội dung tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và tổ chức, biên chế, tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ thuộc Sở. Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật, không có sai phạm.

- Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra; thành lập đoàn kiểm tra: Hằng năm xây dựng Kế hoạch kiểm tra công vụ tại các phòng thuộc Sở; kế hoạch kiểm tra việc thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh; kế hoạch kiểm tra giám sát Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước thuộc trách nhiệm của ngành, lĩnh vực: Thực hiện tham mưu cho UBND tỉnh uỷ quyền cho cấp huyện Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của UBND tỉnh).

4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: Trình UBND tỉnh và cơ quan chức năng ban hành Quyết định vị trí việc làm của Sở (Quyết định số 87/QĐ-SNV ngày 6/3/2024 của Sở Nội vụ)

+ Thực hiện tuyển dụng công chức: không có.

+ Thực hiện luân chuyển, bổ nhiệm, đề bạt công chức: Thực hiện nghiêm túc việc quản lý và sử dụng biên chế công chức, về tuyển dụng, sử dụng và bố trí cán bộ công chức của Sở thực hiện theo đúng quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Trong giai đoạn, thực hiện luân chuyển điều động 02 đồng chí Trưởng phòng nhận chức vụ Phó Trưởng phòng khi thực hiện sáp nhập các phòng của Sở (02 đồng chí đã chuyển công tác); luân chuyển điều động vị trí Phó Chánh Văn phòng và vị trí Phó Trưởng phòng Chính sách Dân tộc; luân chuyển điều động vị trí Trưởng phòng Chính sách và vị trí Chánh Thanh tra; luân chuyển điều động vị trí giữ Chánh Văn

phòng và vị trí Trưởng phòng Chính sách Dân tộc; luân chuyển điều động giữa vị trí Chánh Thanh tra và vị trí Chánh Văn phòng; bổ nhiệm 01 vị trí lãnh đạo cấp phòng. Từ 01/3/2025, thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo, tiếp nhận cán bộ công chức làm việc tại Sở Dân tộc và Tôn giáo, thực hiện bổ nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng, bố trí công chức thuộc các phòng.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức: Trong giai đoạn 2021 -2025 cơ quan có 05 công chức đạt kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp.

- Cán bộ, công chức và người lao động cơ quan chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính theo quy định pháp luật, không để xảy ra trường hợp vi phạm kỷ luật.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Chú trọng việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đảm bảo đúng đối tượng quy định. Trong giai đoạn cử 02 công chức học Trung cấp lý luận chính trị.

5. Cải cách tài chính công

- Cơ quan Ban Dân tộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ- CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 117/2013/NĐ- CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ- CP của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, thực hiện chế độ chi đúng theo quy định hiện hành, không có tình trạng lãng phí, sử dụng của công, tất cả tài chính đều được quản lý chặt chẽ theo quy định. Tại hội nghị cán bộ công chức hàng năm, cơ quan đã thống nhất sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp nhằm tiếp tục sử dụng và quản lý tốt số kinh phí được giao, thực hiện chế độ chi đúng theo quy định hiện hành, không có tình trạng lãng phí, sử dụng của công, tất cả tài chính đều được quản lý chặt chẽ theo quy định.

- Thực hiện giao dịch điện tử (ký số) với các đơn vị như: BHXH, Kho bạc nhà nước và Cục thuế tỉnh.

- Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: thực hiện báo cáo khắc phục các kết luận, kiến nghị của Thanh tra, kiểm toán sau Thanh tra theo quy định, không để bị nhắc nhở, đôn đốc.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Thực hiện kế hoạch số 385/KH-BDT ngày 26/5/2021 Chương trình Chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của Ban Dân tộc tỉnh. Hàng năm, Sở ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số và công nghệ thông tin.

- Thành lập Tổ công tác chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 thực hiện nhiệm vụ theo phân công (Quyết định số 699/QĐ-BDT ngày 23/6/2023). Thực hiện triển khai thực hiện các nhiệm kế hoạch chuyển đổi số đề ra; tăng cường chỉ đạo lãnh đạo về chuyển đổi số và kiểm tra nội bộ tại cơ quan.

- Sở có 02 Hệ thống Thông tin: Hệ thống mạng nội bộ cơ quan và Hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc. Hệ thống mạng nội bộ đã được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống mạng nội bộ tại Ban Dân tộc (Quyết định số 147/QĐ-STTTT ngày 14/7/2021). Hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc đang trình phê duyệt cấp độ an toàn thông tin. Phối hợp với đơn vị chức năng và thuê đơn vị thi công xây dựng các hệ thống an ninh bảo vệ hệ thống mạng thông tin nội bộ, hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Sở.

- Chính quyền số: Hệ thống quản lý văn bản của cơ quan tính đến thời điểm báo cáo, 100% hồ sơ công việc (văn bản đi-đến) được xử lý trên môi trường mạng, trừ các hồ sơ công việc thuộc bí mật nhà nước. Sau khi thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo, thực hiện đăng ký mới và thay đổi thông tin chữ ký số cho các cán bộ công chức cơ quan, đảm bảo thực hiện trao đổi văn bản điện tử theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 01/2019/TT-BNV, ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ.

- Trang thông tin điện tử của Sở hoạt động tốt, thường xuyên cập nhật tin bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan lên trang thông tin điện tử của đơn vị. Sở đã thực hiện đăng tải đầy đủ các thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ. Thực hiện đăng tải đầy đủ các thông tin theo Quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2021 của Chính phủ (tin và bài về hoạt động, tuyên truyền chủ trương, chính sách của nhà nước về công tác dân tộc; chuyên mục CCHC, kiểm soát TTHC; chuyên mục chuyển đổi số của cơ quan; chuyên mục Công khai...). Hiện tại, đã thực hiện bổ sung thêm tính năng và chuyên mục mới về cải cách hành chính trên Trang thông tin điện tử của Sở. Tính đến thời điểm báo cáo, đã xuất bản 130 tin, bài, 18 văn bản công khai minh bạch về công tác dân tộc, CCHC và các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

- 02 TTHC thực hiện dịch vụ công toàn trình hiện đã phân cấp cho UBND cấp huyện, thành phố giải quyết (Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục Dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên). Năm 2024, có 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở thực

hiện tiếp nhận và trả hồ sơ trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Sở. Tính đến thời điểm báo cáo, có 41 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở thực hiện giải quyết dịch vụ công trực tuyến; phát sinh 6 hồ sơ trực tuyến đã được giải quyết hoàn toàn, không tồn đọng.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Tính đến thời điểm báo cáo, Sở đang thực hiện xây dựng dự thảo quy chế vận hành hệ thống, trình hồ sơ cấp độ an toàn thông tin và áp dụng cập nhật, chia sẻ dữ liệu. Tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện cập nhật, bổ sung hệ thống trường dữ liệu về công tác dân tộc phát sinh.

- Hệ thống phòng họp trực tuyến của Sở: Tính đến thời điểm báo cáo, phòng họp trực tuyến và đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2024.

PHẦN III

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác cải cách hành chính được lãnh đạo Sở thường xuyên quan tâm thực hiện, việc tiếp nhận phản ánh của cá nhân được thực hiện nghiêm túc, công khai việc tiếp công dân đúng quy định, việc áp dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động của Sở thực hiện nghiêm túc, chủ động và linh hoạt đáp ứng yêu cầu của tỉnh trong việc rà soát, cập nhật, bổ sung sửa đổi các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng của tỉnh; các hệ thống phần mềm phục vụ cho việc điều hành quản lý của cơ quan. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, các Quy chế làm việc của Ban, Quy chế văn hóa công sở... đều được sửa đổi, bổ sung phù hợp với sắp xếp tổ chức bộ máy.

PHẦN IV

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước; Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu về thực hiện công tác cải cách hành chính và triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đặt ra.

2. Thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ, mục tiêu theo kế hoạch cải cách hành chính; khắc phục những tồn tại, hạn chế qua kết quả Chỉ số cải cách hành chính gắn với việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

3. Tổ chức niêm yết công khai minh bạch, cập nhật và hướng dẫn rõ ràng tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã.

4. Thường xuyên rà soát, cập nhật những nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của xã; đôn đốc

việc triển khai thực hiện các nội dung hiện đại hóa hành chính trong hoạt động của cơ quan và các chỉ tiêu phát triển Chính phủ điện tử.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất tốt và đủ năng lực thi hành công vụ, tận tụy, phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và phục vụ nhân dân.

6. Nâng cao chất lượng hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan đáp ứng tốt khả năng vận hành các hệ thống thông tin, công nghệ số; đồng bộ các cơ sở dữ liệu của cơ quan liên thông với các cơ sở dữ liệu chung của tỉnh, đảm bảo việc cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành được hiệu quả.

7. Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện, phát động phong trào thi đua về Cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2026 -2030 của cơ quan, của tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025; phong trào thi đua “thực hiện cải cách hành chính” tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 -2025.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, HCTH.

Hoaitm, Hallt



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Bộ Sơn

PHỤ LỤC SỐ I
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC TỈNH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SDT&TG ngày /4/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Thái Nguyên)

STT	Các chỉ tiêu	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC			
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành Chương trình CCHC giai đoạn 2021 - 2025	%	80%	
Trong đó	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	6	(Chưa hoàn thành 100%, gần 20% chưa hoàn thành nhiệm vụ, có một số chỉ tiêu của nhiệm vụ kiểm soát TTHC, CDS, tổ chức bộ máy như: đơn giản hóa TTHC, tổ chức HN tuyên truyền CCHC, TTHC toàn trình năm 2024, tổ chức bố trí tỷ lệ CBCC các phòng theo quy định, sáng kiến CCHC cấp tỉnh, đăng tin bài CCHC, hồ sơ thực hiện qua BCCI, và một số tiêu chí về CDS)
1.2.	Kiểm tra CCHC		03	
1.2.1.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%	03	
1.2.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%	0	
Trong đó	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao		95%	
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	141	

1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	134	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	07	3 nhiệm vụ năm 2023; 4 nhiệm vụ năm 2024
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		Phiếu khảo sát theo điều tra XHH mỗi năm 6 phiếu (3 năm 18 phiếu)
1.5.	Tô chức đối thoại của lãnh đạo sở, ngành với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có=1	01	KH số 62-KH/TU và CV số 1250/CV/TU tổ chức tiếp xúc đối thoại tại huyện Phú Lương
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL do tham mưu HĐND, UBND tỉnh đã ban hành	Văn bản	03	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	-		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	03	
2.4.	Tỷ lệ xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát	%	0	không có vấn đề xử lý
Trong đó	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
	Số VBQPPL đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thông kê TTHC		41	(02 TTHC lĩnh vực dân tộc thuộc chức năng quản lý đã phân cấp cho huyện năm 2023 nên còn 41 TTHC) - 01 TTHC lĩnh vực Kinh tế hợp tác; 40 TTHC lĩnh vực TNTG)
3.1.1.	Số TTHC công bố mới thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục		01 TTHC thuộc lĩnh vực Kinh tế hợp tác

				do Sở Nông nghiệp và môi trường chủ trì công bố
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	02	02 TTHC lĩnh vực Dân tộc thuộc thẩm quyền quản lý được thay thế, phân cấp cho cấp huyện thực hiện từ năm 2023
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	41	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)			
3.2.1.	Tỷ lệ DVC trực tuyến toàn trình đủ điều kiện	%	0	
Trong đó	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	41	Trong đó có 29 TTHC lĩnh vực Tôn giáo tín ngưỡng của tỉnh mới có hiệu lực năm 2024, TTHC 2 năm và 3 năm chưa phát sinh hồ sơ.
	Số lượng DVC trực tuyến toàn trình	DVC	0	
3.2.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (Toàn trình + Một phần)	%	29,3%	12/41 TTHC
Trong đó	Tổng số DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ (gồm các DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	12	
	Số DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	12	
3.2.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	0	Từ đầu năm 2024, không có DVC trực tuyến toàn trình do phân cấp 02 TTHC cho cấp huyện
Trong đó	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ		Năm 2022 - 2023 có 27 hồ sơ của DVCTT toàn trình của 02 TTHC lĩnh vực Dân tộc; đến cuối năm 2023 đã phân cấp UBND cấp huyện giải quyết.

	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ		Năm 2022 - 2023 có 27 hồ sơ của DVCTT toàn trình của 02 TTHC lĩnh vực Dân tộc; đến cuối năm 2023 đã phân cấp UBND cấp huyện giải quyết.
3.2.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	100%	
Trong đó	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	11	Gồm 8 hồ sơ của TTHC lĩnh vực Kinh tế hợp tác năm 2024; 03 hồ sơ lĩnh vực Tín ngưỡng- Tôn giáo tiếp nhận từ 01.1.2025 từ lĩnh vực Nội vụ chuyển sang
	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	11	
3.2.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	Toàn bộ TTHC của Sở không thu phí
Trong đó	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	Thủ tục	0	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia hoặc trên Công DVC của tỉnh	Thủ tục	0	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	41	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
3.3.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.3.4.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.5.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC: Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
Trong	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	39	

đó	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	38	01 hồ sơ chậm nhưng đã có văn bản xin lỗi
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	01	
4.1.2.	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc, trực thuộc đã cắt giảm so với năm 2015	%		Không có đơn vị trực thuộc
Trong đó	Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc, trực thuộc	Đơn vị		
	Số đơn vị sự nghiệp tại thời điểm báo cáo	Đơn vị		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	26	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	24	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	03	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)			Không có đơn vị sự nghiệp
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			Quyết định phê duyệt vị trí việc làm

				(QĐ số 87/QĐ-SNV ngày 6/3/2024 của SNV)
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		Không có đơn vị sự nghiệp
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển.	Người	0	
Trong đó	Số lãnh đạo quản lý cấp sở	Người	4	
	Số lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc sở, ngành và tương đương	Người	5	
5.4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	Người	0	
Trong đó	Số lãnh đạo quản lý cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.	Người		Không có đơn vị sự nghiệp
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (nếu có)	%	0	
Trong	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0	

đó	Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			không có đơn vị sự nghiệp
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Chưa có = 0	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1	1	

		Hoàn thành = 2		
7.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.5.1.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc đã kết nối, liên thông với các Hệ thống quản lý văn bản điều hành của tỉnh	%	100	
7.5.2.	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc dưới dạng điện tử	Văn bản	100	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	98	Đầu năm 2025, do mới thành lập Sở nên phải đăng ký mới và thay đổi thông tin ký số, phải ký tay và scan sao y lên hệ thống)
	Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	2	
7.6.	Kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	